

Số: 65 /TTr-KT

Gia Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Đường dây 220kV- 500kV Hải Phòng - Gia Lộc, (đoạn qua địa bàn xã Gia Phúc)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Gia Phúc.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; *Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-TTg ngày 3/6/2025 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư Dự án đường dây 220kV 500kV Hải Phòng- Gia Lộc (đoạn qua địa bàn xã Gia Phúc);

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Gia Phúc về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Đường dây 220kV 500kV Hải Phòng - Gia Lộc, (đoạn qua địa bàn xã Gia Phúc);

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Gia Lộc;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thành viên tổng công ty truyền tải điện quốc gia về việc phê duyệt Dự án đường dây 220kV 500kV Hải Phòng – Gia Lộc.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của các hộ dân đã được UBND xã Gia Phúc xác định.

Phòng Kinh tế trình UBND xã thu hồi đất tại xã Gia Phúc để thực hiện Dự án: Đường dây 220kV- 500kV Hải Phòng - Gia Lộc, (đoạn qua địa bàn xã Gia Phúc) như sau:

1. Về khối lượng: Thu hồi 3.528,2 m² (Ba nghìn, năm trăm hai mươi tám phẩy hai mét vuông) đất tại xã Gia Phúc do 46 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng và đất UBND xã Gia Phúc quản lý.

Trong đó:

- Đất do 41 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, được giao theo Nghị quyết 03, loại đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí trong đê, diện tích: 3.461,9 m².

- Đất do UBND xã Gia Phúc quản lý, diện tích: 66,3 m², bao gồm: Đất giao thông (DGT): diện tích 4,8 m²; đất thủy lợi (DTL): diện tích 61,5 m².

(Có danh sách chi tiết về chủ sử dụng đất, số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích thửa đất, loại đất kèm theo).

2. Vị trí, ranh giới: Theo Trích lục bản đồ địa chính hệ tọa độ VN-2000, tờ bản đồ số 33 (310582-9), tờ bản đồ số 40 (307584-1), tờ bản đồ số 41 (307584-2), tờ bản đồ số 46 (307584-5), tờ bản đồ số 47 (307584-6), xã Gia Phúc do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng thực hiện và ký duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2025.

(Có danh sách chi tiết về chủ sử dụng đất, số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích thửa đất, loại đất kèm theo).

3. Lý do thu hồi đất: Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất thực hiện Dự án: Đường dây 220kV - 500kV Hải Phòng - Gia Lộc (đoạn qua địa bàn xã Gia Phúc).

Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân xã xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hữu Chuẩn

UBND XÃ GIA PHÚC
PHÒNG KINH TẾ

Phụ lục 01

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH THU HỒI
ĐẤT CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

**Dự án: Đường dây 220kV 500kV Hải Phòng - Gia Lộc, (đoạn qua xã Gia Phúc)
(Vị trí đất trong đề, nguồn gốc giao 03)**

(Kèm theo Quyết định số:QĐ-UBND, ngàytháng năm 2025)

TT	Họ và tên	Tờ bản đồ số	thửa đất số	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Loại đất
1	Nguyễn Thế Vinh	47	572	282,2	39,8	242,4	LUC
2	Nguyễn Văn Toàn	47	573	200,0	101,5	98,5	LUC
3	Nguyễn Đăng Xuất	47	574	498,7	146,7	352,0	LUC
4	Nguyễn Thị Chuyên	47	368	1099,0	169,6	929,4	LUC
5	Nguyễn Thế Tiếp	47	369	1105,6	88,5	1017,1	LUC
6	Nguyễn Thị Hà	46	354	68,7	7,9	60,8	LUC
7	Trần Huy Biên	46	355	113,1	47,8	65,3	LUC
8	Cao Thị Chăm	46	356	99,3	60,4	38,9	LUC
9	Trần Huy Hào	46	357	200,1	117,4	82,7	LUC
10	Nguyễn Trọng Chi	46	358	104,2	21,5	82,7	LUC
11	Trần Huy Lợi	41	2671	363,1	125,4	237,7	LUC
12	Đặng Đình Thảo	41	2672	124,2	93,0	31,2	LUC
13	Nguyễn Cảnh Quỳnh	41	2673	412,3	69,6	342,7	LUC
14	Phạm Bá Thú	41	2666	346,2	23,9	322,3	LUC
15	Đỗ Bá Tài	41	2667	146,8	102,3	44,5	LUC
16	Đỗ Bá Hữu	41	2668	70,0	48,2	21,8	LUC
17	Phạm Gia Quyết	41	2669	266,3	113,7	152,6	LUC
18	Dương Văn Phước	40	2235	256,7	103,4	153,3	LUC
19	Nguyễn Xuân Hệ	40	2236	191,3	146,4	44,9	LUC
20	Nguyễn Thị Vượng	40	2237	189,7	38,2	151,5	LUC
21	Vũ Văn Đước	40	2231	269,0	4,2	264,8	LUC
22	Ngô Văn Đầy (Quân)	40	2233	335,0	253,4	81,6	LUC
	Ngô Văn Đầy (Quân)	40	2229	570,1	113,7	456,4	LUC
23	Nguyễn Thị Thiêm (Dung)	40	2234	197,6	153,7	43,9	LUC
24	Trần Thị Toan	40	2246	93,1	10,3	82,8	LUC
25	Hoàng Sách Thành	40	2230	84,1	56,3	27,8	LUC
26	Lê Hoàng Chính	40	2245	64,8	43,4	21,4	LUC
27	Lê Thị Cảnh	40	2251	96,0	64,4	31,6	LUC
28	Nguyễn Thế Lực (Thơm)	40	2248	58,0	4,8	53,2	LUC

29	Vũ Thị Thủy	40	2247	79,2	33,2	46,0	LUC
30	Nguyễn Thị Núi (Tứ)	40	2228	40,2	18,1	22,1	LUC
31	Vũ Thị Gọn	40	2249	78,0	35,5	42,5	LUC
32	Nguyễn Đình Sơn	40	2250	84,3	38,5	45,8	LUC
33	Nguyễn Đình Khanh	40	2227	123,3	56,2	67,1	LUC
34	Nguyễn Thị Nguyệt	40	2226	97,9	45,0	52,9	LUC
35	Nguyễn Thế Bé	40	2225	206,0	23,8	182,2	LUC
36	Phạm Công Ngọc	33	2276	362,1	49,6	312,5	LUC
37	Kiều Thị Xoan	33	2277	361,8	242,2	119,6	LUC
38	Nguyễn Thế Phó	33	2278	374,1	21,5	352,6	LUC
39	Phạm Thị Mận	33	2218	431,9	58,0	373,9	LUC
40	Nguyễn Thị Loan (Vạn)	33	2219	435,7	317,9	117,8	LUC
41	Phạm Văn Mạnh (Chiếu)	33	2220	435,4	153,0	282,4	LUC
1	UBND xã Gia Phúc	47	1069	75,8	29,9	45,9	DTL
2	UBND xã Gia Phúc	40	2240	33,3	31,6	1,7	DTL
3	UBND xã Gia Phúc	40	2232	213,0	4,8	208,2	DGT
	Tổng				3.528,2		